

Số: _____/QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày _____ tháng _____ năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt đề cương Nhiệm vụ khảo sát,
lập báo cáo **nghiên cứu khả thi** và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư
Công trình: **CẦU BẠN XOÀI, XÃ PHƯỚC NGHĨA, HUYỆN TUY PHƯỚC**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 13/09/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Cầu Bạn Xoài, xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Đề cương nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo **nghiên cứu khả thi** và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư công trình: Cầu Bạn Xoài, xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước do Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện tại Tờ trình số 651/TTr-BQL ngày 06/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo **nghiên cứu khả thi** và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư công trình: Cầu Bạn Xoài, xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Cầu Bạn Xoài, xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước.

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Tuy Phước.

3. Quản lý thực hiện dự án: Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện.

4. Tổ chức lập Đề cương Nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo **nghiên cứu khả thi** và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư: Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện.

5. Địa điểm xây dựng: xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước.

6. Nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo **nghiên cứu khả thi**:

6.1. Mục đích khảo sát: phục vụ công tác lập báo cáo **nghiên cứu khả thi**.

6.2. Phạm vi khảo sát: trong phạm vi công trình cần xây dựng.

6.3. Phương pháp khảo sát: dùng máy kết hợp kéo thước.

6.4. Khối lượng các công tác khảo sát:

TT	Nội dung công việc	ĐVT	KL
I	KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH		
1	Lưới khống chế mặt bằng đường chuyên cấp 2, địa hình cấp III	điểm	04
2	Thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp III	km	1,25
3	Đo vẽ bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/1.000, a=1m, địa hình cấp III	ha	2,00
4	Đo vẽ bình đồ dưới nước tỷ lệ 1/1.000, a=1m, địa hình cấp III	ha	1,50
5	Đo vẽ cắt dọc trên cạn, địa hình cấp III	m	132
6	Đo vẽ cắt dọc dưới nước, địa hình cấp III	m	118
7	Đo vẽ cắt ngang trên cạn, địa hình cấp III	m	240
8	Đo vẽ cắt ngang dưới nước, địa hình cấp III	m	180
9	Công tác đo vẽ mặt cắt thủy văn trên cạn; cấp địa hình III	m	220
10	Công tác đo vẽ mặt cắt thủy văn dưới nước; cấp địa hình III	m	220
11	Đo vẽ cắt dọc lòng sông dưới nước; cấp địa hình III.	m	200
12	Mua số liệu điểm mốc (tọa độ và cao độ) khống chế trắc địa nhà nước	mốc	02
II	TỔ CHỨC ĐIỀU TRA		
1	Điều tra thu thập tài liệu liên quan; các quy hoạch khu vực xây dựng công trình; công trình ngầm; thủy văn; Điều tra vị trí tập kết vật liệu, đền bù GPMB trong phạm vi xây dựng tuyến đường	công	05
III	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CẦU		
a	Công tác khoan	lỗ	02
1	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu trên cạn, đất đá cấp I-III, chiều sâu lỗ khoan (30-60)m	m	76
2	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu trên cạn, đất đá cấp IV-VI, chiều sâu lỗ khoan (30-60)m	m	04
3	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá cấp I-III	lần	38
4	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá cấp IV-VI	lần	02
b	Thí nghiệm mẫu trong phòng	mẫu	26
b.1	Mẫu nguyên dạng	mẫu	16
1	Thí nghiệm xác định thành phần hạt của đất	chỉ tiêu	18
2	Thí nghiệm xác định độ ẩm, độ hút ẩm của đất	chỉ tiêu	18
3	Thí nghiệm xác định khối lượng riêng của đất (tỷ trọng)	chỉ tiêu	18

4	Thí nghiệm xác định khối thể tích (dung trọng) của đất	chỉ tiêu	18
5	Thí nghiệm xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy của đất	chỉ tiêu	18
6	Thí nghiệm nén lún trong điều kiện không nở hông của đất	chỉ tiêu	18
7	Thí nghiệm sức chống cắt trên máy cắt phẳng của đất	chỉ tiêu	18
b.2	Mẫu không nguyên dạng	mẫu	10
1	Thí nghiệm xác định thành phần hạt của đất	chỉ tiêu	12
2	Thí nghiệm xác định độ ẩm, độ hút ẩm của đất	chỉ tiêu	12
3	Thí nghiệm xác định khối lượng riêng của đất (tỷ trọng)	chỉ tiêu	12
4	Thí nghiệm xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy của đất	chỉ tiêu	12
5	Thí nghiệm độ chặt tiêu chuẩn của đất (dung trọng chặt, xốp)	chỉ tiêu	12
6	Thí nghiệm xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời (góc nghỉ khô, nghỉ ướt)	chỉ tiêu	12
b.3	Mẫu đá 2 trạng thái (khô và bão hòa)	mẫu	02
1	Thí nghiệm khối lượng thể tích của đá nguyên khai, đá dăm sỏi (dung trọng)	chỉ tiêu	06
2	Thí nghiệm khối lượng riêng của đá nguyên khai, đá dăm sỏi (tỷ trọng)	chỉ tiêu	06
3	Thí nghiệm cường độ nén của đá nguyên khai ở trạng thái khô	chỉ tiêu	06
4	Thí nghiệm cường độ nén của đá nguyên khai ở trạng thái bão hòa	chỉ tiêu	06

6.5. Thời gian thực hiện: 15 ngày.

7. Dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư: 518.054.000 đồng.

Bằng chữ: (Năm trăm mười tám triệu, không trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí lập BCNCKT: 118.032.000 đồng;
- Chi phí khảo sát địa hình: 46.506.000 đồng;
- Chi phí khảo sát địa chất: 162.090.000 đồng;
- Chi phí lập báo cáo ĐTM: 189.508.000 đồng;
- Chi phí thẩm định BCNCKT: 1.918.000 đồng.

8. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Tư vấn khảo sát địa hình - địa chất, lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Giá gói thầu: 326.628.000 đồng.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu.

- Đơn vị được đề nghị chỉ định thầu: Công ty TNHH Tư vấn Hội cầu đường.

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

- Thời gian thực hiện: 30 ngày.

9. Nguồn vốn: Ngân sách NN.

Điều 2. Quyết định này làm cơ sở để quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Giao Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn tất các thủ tục còn lại theo quy định để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện, Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn Hội cầu đường, và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HS (8);
- Lưu: VT, K₃. T15

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Xuân